

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 4 - 2026

Về việc: “*Tranh chấp xác định
cha cho con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu và bà Phạm Thị Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Phan Yên Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp xác định cha cho con*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2025/QĐ-PT ngày 19/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Phương L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà D, khóm T, phường M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh B, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số E N, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Thanh B:* Ông Huỳnh Tuấn E, sinh năm 1989. Địa chỉ khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long đại diện theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C công chứng số 8202/2025/CCGD ngày 02/12/2025 (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Bùi Thanh B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Nguyên đơn bà Lương Thị Phương L trình bày:* Khoảng năm 2010, bà có quen biết với ông Bùi Thanh B, lúc này ông B là lãnh đạo công an thành phố L. Ông B cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng ông trầm trọng, gia đình không còn hạnh phúc và sẽ ly hôn. Do đó, giữa bà và ông B phát sinh tình cảm yêu thương và nhiều lần gặp gỡ, lén lút quan hệ. Đến khoảng tháng 4 năm 2012 bà mang thai, lúc này bà có thông báo cho ông B biết nhưng ông B cắt đứt liên lạc với bà.

Đến ngày 21/01/2013, bà sinh cháu Lương Hoàng Gia M, bà có gửi hình ảnh cháu M cho ông B nhưng ông B không phản hồi nên bà không liên lạc với ông B nữa. Do bà chỉ có quan hệ tình cảm và quan hệ tình dục với ông B nên bà xác định cháu M là con của ông B. Ban đầu, bà dự tính nuôi con một mình. Tuy nhiên, sau khi phát hiện mình bị bệnh tuyến giáp nên bà mong muốn cháu M có cha như bao đứa trẻ khác. Do đó, đến đầu năm 2025 bà liên lạc và gặp ông B, ông B đồng ý giao cho bà mẫu tóc và móng của ông B để thực hiện việc trưng cầu giám định gen, xác định mối quan hệ huyết thống giữa ông B và cháu M.

Kết quả xét nghiệm ADN số 231525PG/DNA ngày 03/3/2025 của Công ty TNHH Đ, kết luận ông B và cháu M có quan hệ huyết thống cha con với độ tin cậy >99,9999%. Sau khi có kết quả giám định, bà có cho ông B xem và ông B đã xé kết quả giám định, yêu cầu bà xé luôn bản của bà lưu, ông B cam kết có trách nhiệm với bé M. Tuy nhiên, sau đó, ông B lẩn tránh nên bà có dẫn bé M đến nhà của ông B. Ông B cùng vợ con ông phủ nhận mối quan hệ cha con với cháu M, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận ông B là cha cháu M.

** Bị đơn ông Bùi Thanh B trình bày:* Bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh ông và bà L có mối quan hệ tình cảm hoặc có những sự kiện thực tế làm phát sinh nghi vấn về quan hệ cha con giữa ông và cháu M. Việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định là lạm dụng quyền tố tụng. Hiện nay, pháp luật dân sự không quy định công dân có nghĩa vụ phải cung cấp mẫu để giám định ADN nên ông không đồng ý cung cấp mẫu để thực hiện trưng cầu giám định và việc từ chối cung cấp mẫu giám định không đồng nghĩa với việc là ông đồng ý cháu Gia M là con ông. Từ trước đến nay, ông không cung cấp mẫu tế bào cho cá nhân hay tổ chức nào để thực hiện giám định gen của ông. Việc bà L yêu cầu xác nhận cha cho con là xúc phạm đến uy tín, danh dự của ông.

** Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Phương L đối với ông Bùi Thanh B về việc xác định cha cho con.

Xác định ông Bùi Thanh B, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú E N, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang là cha ruột của cháu Lương Hoàng Gia M, sinh ngày 21/01/2013, số định danh cá nhân 089213000635 (theo Giấy khai sinh số 83 do UBND phường M cấp ngày 09/3/2018).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

* Ngày 15 tháng 10 năm 2025, ông Bùi Thanh B có đơn kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại vụ án, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Phương L.

* Tại phiên tòa:

+ Bị đơn ông Bùi Thanh B do ông Huỳnh Tuấn E là người đại diện theo ủy quyền xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, việc bà L tự thu thập và gửi mẫu thực hiện giám định là chưa đảm bảo theo trình tự thu thập mẫu. Căn cứ theo quy định tại các điều 91, 92, 93, 94, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà L thừa nhận tự gửi mẫu cho Công ty TNHH Đ thông qua đường bưu điện, kết quả giám định này không hợp pháp và nguyên đơn cũng không có căn cứ nào khác chứng minh giữa bà L và ông M có quan hệ, cháu M là con của ông B, việc cấp sơ thẩm nhận định ông B không đồng ý giám định để đánh đồng với việc chủ quan suy đoán ông B là cha của cháu L1 Hoàng Gia M là con ông B thì không khách quan. Ông Tuấn E tại phiên tòa phúc thẩm cũng xác định ông B từ chối cung cấp mẫu và không đồng ý thực hiện việc trưng cầu giám định ADN

+ Nguyên đơn bà Lương Thị Phương L trình bày: Bà không đồng ý với kháng cáo của ông B đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, trường hợp phía ông B cho rằng cháu M không phải là con ruột thì bà đồng ý hỗ trợ thực hiện việc trưng cầu giám định ADN để cho vụ việc được rõ ràng. Trường hợp ông B cho rằng bà cung cấp chứng cứ không đúng thì ông B khởi kiện đối với bà L.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông B; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Bùi Thanh B kháng cáo trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Bùi Thanh B ủy quyền cho ông Huỳnh Tuấn E đại diện theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng C công chứng số 8202/2025/CCGD ngày 02/12/2025, Hội đồng xét xử nhận thấy thủ tục ủy quyền là hợp lệ nên được xem xét chấp nhận.

[1.3] Ông Huỳnh Tuấn E là người đại diện theo ủy quyền của ông B xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới; Nguyên đơn bà Lương Thị Phương L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Thanh B, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Bà Lương Thị Phương L khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông Bùi Thanh B là cha của cháu Lương Hoàng Gia M và cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án trích lục khai sinh của cháu Lương Hoàng Gia M1, Kết quả xét nghiệm ADN số 231525PG/DNA ngày 03/3/2025 của Công ty TNHH Đ, với nội dung kết luận ông Bùi Thanh B và cháu Gia M có quan hệ huyết thống bố - con, độ tin cậy >99,9999%.

[2.2] Bị đơn ông Bùi Thanh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và ông B có đơn gửi cho tòa án từ chối việc thu thập mẫu phục vụ cho việc trưng cầu giám định ADN

[2.3] Trong quá trình cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đối với vụ án ông B trình bày bà L cho rằng giữa ông và bà L có quan hệ tình cảm nhưng bà L không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh ông bà có mối quan hệ tình cảm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định là lạm dụng quyền tố tụng. Hiện nay, pháp luật dân sự không quy định công dân có nghĩa vụ phải cung cấp mẫu để giám định ADN nên ông B không đồng ý cung cấp mẫu để thực hiện trưng cầu giám định và việc từ chối cung cấp mẫu giám định không đồng nghĩa với việc là ông B đồng ý cháu Gia M là con ông. Từ trước đến nay, ông không cung cấp mẫu tế bào cho cá nhân hay tổ chức nào để thực hiện giám định gen của ông. Việc bà L yêu cầu xác nhận cha cho con là xúc phạm đến uy tín, danh dự của ông.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, cơ sở để đánh giá khách quan trong quá trình giải quyết đối với vụ án thì việc giám định quan hệ huyết thống (ADN) là cần thiết, cấp sơ thẩm đã có thông báo thời gian và địa điểm thực hiện lấy mẫu phục vụ cho việc trưng cầu giám định ADN nhưng ông B có đơn từ chối cung cấp mẫu giám định, căn cứ theo khoản 1 Điều 6 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng

dân sự quy định:

“Điều 6. Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự:

1. Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

...”

[3.1] Mặc dù, tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện chưa có đủ cơ sở, ông B cho rằng đây là tài liệu không thực, nguyên đơn bà L đã yêu cầu Tòa án thực hiện lại việc giám định gen (AND) để làm căn cứ giải quyết vụ án thì ông B không hợp tác trong việc cung cấp mẫu giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tuấn E là người đại diện theo ủy quyền vẫn xác định ông B từ chối cung cấp mẫu và không đồng ý thực hiện giám định AND xác định quan hệ huyết thống giữa ông B với cháu M, dẫn đến việc ông B tự từ bỏ quyền lợi chứng minh cho ý kiến phản bác của ông B đối với bà L

[3.2] Do, ông B từ chối thực hiện việc giám định nên ngoài chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đối với Kết quả xét nghiệm ADN số 231525PG/DNA ngày 03/3/2025 của Công ty TNHH Đ dùng để tham khảo trong việc xác định ông B và cháu M là cha con thì Tòa án cũng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác để đánh giá đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L

[4] Bà L có trình bày vào thời gian khoảng cuối tháng 02/2025, bà L và ông B có trao đổi qua lại và thông tin liên quan đến việc thực hiện giám định AND, cũng như ông B có cung cấp mẫu tóc, móng tay cho bà L đi giám định thông qua các cuộc gọi và tin nhắn bằng số điện thoại thuê bao của bà L và số điện thoại của ông B là chủ thuê bao (đại diện theo ủy quyền của ông B xác nhận số điện thoại bà L cung cấp số điện thoại 091*****62 đúng là số điện thoại của ông B). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã thực hiện thu thập chứng cứ và tại Công văn số 121/MBF.AG-TH ngày 28/01/2026, V/v phản hồi văn bản số 06/CV-TA của M2- Chi nhánh Tổng Công ty V cung cấp dữ liệu chi tiết, thông tin chủ thuê bao của các số thuê bao trên gồm 57 trang từ ngày 01/5/2024 đến ngày 01/5/2025; trong khoảng thời gian cụ thể vào ngày 28/02/2025 có các cuộc gọi giữa bà L và ông B

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm khi Hội đồng xét xử công bố tài liệu mới thu thập được trong giai đoạn phúc thẩm, người đại diện của ông B lý giải có những cuộc gọi trao đổi vì giữa ông B, bà L có quan hệ làm ăn, vay mượn tiền nhưng tại cấp sơ thẩm ông B có văn bản xác định hai bên không hề có quan hệ quen biết, trao đổi, cho thấy lời khai nại của ông B là có mâu thuẫn, cũng như tại phiên tòa đại diện của ông B cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh giữa ông B, bà L có việc trao đổi làm ăn, vay mượn tiền.

[4.2] Vì vậy, Hội đồng xét xử đánh giá các chứng cứ, lời khai và văn bản thu thập được tại M2- Chi nhánh Tổng Công ty V cung cấp cho thấy việc bà L trình bày là có cơ sở, nên xác định ông B và bà L là có quen biết, trao đổi thông tin là thật. Yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Ông B kháng cáo tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông B khẳng định ông B từ chối không hợp tác đối với cung cấp mẫu giám định, không đồng ý thực hiện việc giám định ADN và không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

[4.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó yêu cầu kháng cáo của ông B là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B phải chịu án phí phúc thẩm nhưng ông B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số , ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Thanh B.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

Căn cứ vào: Khoản 4, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, khoản 1 Điều 90, khoản 1 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Phương L đối với ông Bùi Thanh B về việc xác định cha cho con.

Xác định ông Bùi Thanh B, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú E đường N, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang là cha ruột của cháu Lương Hoàng Gia M,

sinh ngày 21/01/2013, số định danh cá nhân 089213000635 (theo Giấy khai sinh số 83 do UBND phường M cấp ngày 09/3/2018).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Thanh B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 9-An Giang;
- VKSND khu vực 9-An Giang;
- Tòa GD&NCTN;
- Phòng GDKT, TTr&THA;
- Dương sự;
- Lưu: Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trịnh Ngọc Thúy